

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/DS-ST

Ngày: 22-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Châu.

2. Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thuý Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 371/2023/TLST-DS ngày 21/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2024/QĐXXST-DS ngày 16/4/2024 giữa các đương sự:

– **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ trụ sở: Số C đường Trần Quang K, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

* **Người đại diện hợp pháp:** Ông Trang Minh T, sinh năm 1985 – Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng P - Chi nhánh S. Địa chỉ: Số G đường Trần Hưng Đ, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 12/12/2023) (có mặt).

– **Bị đơn:** Ông Lê Đức T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số B Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Số G, Trần Hưng Đ, khóm A, phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện lập ngày 30/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi là Ngân hàng) và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trang Minh T trình bày: Vào ngày 21/12/2018 ông Lê Đức T đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 592/2018/11375099/HĐTD để vay số tiền 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Mục đích vay: Mua xe ô tô tiêu dùng. Lãi suất vay 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất vay. Thời hạn vay 84 tháng, trả nợ gốc

trong 84 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng vào ngày 05, kỳ đầu tiên trả vào ngày 05/02/2019, số nợ gốc phải trả hàng tháng là 5.595.000 đồng, kỳ cuối thanh toán vào chậm nhất vào ngày đến hạn của hợp đồng tín dụng, số tiền gốc là 5.615.000 đồng. Trong quá trình vay vốn kể từ ngày ký hợp đồng đến nay, ông T đã trả nợ gốc được 152.065.000 đồng, trả lãi được 110.282.277 đồng, khoản vay quá hạn kể từ ngày 05/05/2021. Hiện còn nợ gốc 317.935.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 22/5/2024, lãi trong hạn 107.050.071 đồng, lãi quá hạn 24.551.187 đồng, tổng cộng 449.536.258 đồng.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay, ông T đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là xe ô tô, Giấy chứng nhận đăng ký xe số 100437. Loại xe: Ô tô con. Số chỗ ngồi: 7 chỗ. Model: Toyota Avanza. Động cơ: Xăng. Năm sản xuất: 2018. Số khung: MHKM5FF3VJK000271. Số máy: 2NRF757817. Màu sơn: Bạc. Biển số xe: 60A-563.46. Dung tích động cơ: 1496cm. Ngày đăng ký lần đầu: 11/12/2018. Quốc gia sản xuất: Nhật Bản. Nơi nhập khẩu: Indonesia, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11/12/2018 cấp cho ông Lê Đức T, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 324/2018/11375099/HĐBĐ ngày 21/12/2018.

Nợ vay của ông T đã quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng đã tạo mọi điều kiện để ông T trả nợ cũng như nhiều lần mời bên vay đến Ngân hàng làm việc để tìm biện pháp xử lý nợ, nhưng ông T không có thiện chí cũng như không hợp tác với Ngân hàng để trả nợ vay và đến hiện tại thì không liên lạc được.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Đức T trả cho Ngân hàng nợ gốc 317.935.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 22/5/2024, lãi trong hạn 107.050.071 đồng, lãi quá hạn 24.551.187 đồng, tổng cộng 449.536.258 đồng và trả lãi phát sinh với mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp ông T trả nợ thì Ngân hàng được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên để Ngân hàng thu hồi nợ.

– *Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Đức T, nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn, chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Lê Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông T có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số 592/2018/11375099/HĐTD ngày 21/12/2018, số tiền vay là 470.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Mục đích vay: Mua xe ô tô tiêu dùng. Lãi suất vay 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất vay. Thời hạn: 84 tháng, trả nợ gốc trong 84 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng vào ngày 05, kỳ đầu tiên trả vào ngày 05/02/2019, số nợ gốc phải trả hàng tháng là 5.595.000 đồng, kỳ cuối thanh toán vào chậm nhất vào ngày đến hạn của hợp đồng tín dụng, số tiền gốc là 5.615.000 đồng. Trong quá trình vay vốn kể từ ngày ký hợp đồng đến nay, ông T đã trả nợ gốc 152.065.000 đồng, trả lãi 110.282.277 đồng. Hiện còn nợ vốn gốc 317.935.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 22/5/2024, lãi trong hạn 107.050.071 đồng, lãi quá hạn 24.551.187 đồng, tổng cộng 449.536.258 đồng.

[3] Xét thấy, việc ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, là người có lỗi vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T có nội dung Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn và lãi vay nêu trên, nhưng T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do Ngân hàng xuất trình, nên căn cứ vào Hợp đồng tín dụng (bút lục 07 -12) và quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông T có nợ Ngân hàng, nên Ngân hàng yêu cầu trả số nợ nêu trên phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, số tiền lãi theo yêu cầu nêu trên, Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày 22/5/2025: Dư nợ gốc 317.935.000 đồng, lãi trong hạn 107.050.071 đồng, lãi quá hạn 24.551.187 đồng, tổng cộng gốc và lãi 449.536.258 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Kể từ ngày 23/5/2024, nếu ông T không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng, thì ông T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Để đảm bảo cho khoản nợ vay, ông T có thể chấp tài sản là: Xe ô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 100437 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11/12/2018 tên chủ xe Lê Đức T, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 324/2018/11375099/HĐBĐ ngày 21/12/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng Ba Xuyên, số công chứng 8211, quyền số 06/2018/TP/CC-SCC/HĐGD và đã đăng ký thế chấp. Loại xe: Ô tô con. Số chỗ ngồi: 7 chỗ. Model: Toyota Avanza. Động cơ: Xăng. Năm sản xuất: 2018. Số khung:

MHKM5FF3VJK000271. Số máy: 2NRF757817. Màu sơn: Bạc. Biển số xe: 60A-563.46. Dung tích động cơ: 1496cm. Ngày đăng ký lần đầu: 11/12/2018. Xuất xứ: Quốc gia sản xuất: Nhật Bản. Nơi nhập khẩu: Indonesia, có đăng ký biện pháp bảo đảm (bút lục 14-31). Sau khi thế chấp thì Ngân hàng đồng ý để ông T quản lý, sử dụng xe, Ngân hàng chỉ giữ giấy chứng nhận đăng ký xe.

[5] Xét thấy, về hình thức và nội dung hợp đồng thế chấp, trình tự và thẩm quyền đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại các Điều 298, 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự, có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm, nên hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành. Trong hợp đồng thế chấp có giao kết về quyền và nghĩa vụ của các bên, điều kiện, thời hạn và phương thức xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà người vay nợ không thực hiện. Do đó, Ngân hàng yêu cầu nếu ông T không tự nguyện trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không đặt ra việc xử lý tài sản thế chấp ngay, mà đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì ông T phải tự nguyện trả số tiền nợ nêu trên. Nếu không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng mới có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại các Điều 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp là 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) ông T phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm nộp trước nên ông T phải trả lại cho Ngân hàng 550.000 đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông T phải chịu 21.981.450 đồng án phí sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 298, 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc ông Lê Đức T trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc 317.935.000 đồng, lãi trong hạn 107.050.071 đồng, lãi quá hạn 24.551.187 đồng, tổng cộng gốc và lãi 449.536.258 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi tám đồng)

Kể từ ngày 23/5/2024, ông Lê Đức T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Lê Đức T phải tự nguyện trả số tiền nêu trên. Nếu không tự nguyện thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 324/2018/11375099/HĐBĐ ngày 21/12/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng Ba Xuyên, số công chứng 8211, quyền số 06/2018/TP/CC-SCC/HĐGD và đã đăng ký thế chấp. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 100437, tên chủ xe Lê Đức T, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11/12/2018. Loại xe: Ô tô con. Số chỗ ngồi: 7 chỗ. Model: Toyota Avanza. Động cơ: Xăng. Năm sản xuất: 2018. Số khung: MHKM5FF3VJK000271. Số máy: 2NRF757817. Màu sơn: Bạc. Biển số xe: 60A-563.46. Dung tích động cơ: 1496cm. Ngày đăng ký lần đầu: 11/12/2018. Quốc gia sản xuất: Nhật Bản. Nơi nhập khẩu: Indonesia.

2/ Về chi phí thẩm định: Ông Lê Đức T phải chịu chi phí thẩm định là 550.000 đồng. Do Ngân hàng đã tạm nộp trước, nên ông T phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 550.000 đồng.

3/ Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Đức T phải chịu án phí sơ thẩm 21.981.450 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm tám mươi một nghìn bốn trăm năm mươi đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011584, ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh

